

Số: 13/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 504/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2026 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp số 128/2026/QĐMPH-HNGĐ ngày 15/6/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Vũ Thị L**, sinh ngày 16/11/1996. Số CCCD: 030196006xxx. Địa chỉ thường trú: Thôn X, phường Q, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Anh **Lê Văn H**, sinh ngày 18/12/1997. Số CCCD: 030097007xxx. Địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn X, phường Q, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

Người được anh Lê Văn H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/1997, số CCCD: 001097035xxx; địa chỉ thường trú: Thôn L, xã Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/6/2021 tại UBND xã QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Q, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh

chị sinh sống cùng gia đình anh H tại địa phương. Để phát triển kinh tế gia đình, năm 2023 anh H đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm. Chị L muốn anh H về nước để nuôi dạy con nhưng anh H không đồng ý, vợ chồng không liên lạc với nhau từ tháng 7/2025 đến nay. Chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị L và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022 và cháu Lê Vũ Bảo B2, sinh ngày 16/8/2023. Chị L và anh H thỏa thuận giao cháu B1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu B2 cho chị L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện anh H đang làm việc tại nước ngoài nên tạm giao cháu B2 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xác định Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H, giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022; giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Vũ Bảo B2, sinh ngày 16/8/2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tạm giao

cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022 cho chị Vũ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H chưa về Việt Nam. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: không giải quyết. Về lệ phí: Chị Vũ Thị L chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con là yêu cầu về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L hiện cư trú tại thôn X, phường Q, thành phố Hải Phòng; anh H có địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn X, phường Q, thành phố Hải Phòng, hiện nay sinh sống tại Nhật Bản cùng có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng giải quyết công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

[1.2] Người yêu cầu chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H, người đại diện theo ủy quyền của anh H về việc giao, nhận văn bản tố tụng là anh Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/6/2021 tại UBND xã QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Q, thành phố Hải Phòng) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình anh H tại địa phương. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm từ sau khi anh H đi lao động ở nước ngoài. Chị L muốn anh H về nước để nuôi dạy con nhưng anh H

không đồng ý, vợ chồng không liên lạc với nhau từ tháng 7/2025 đến nay. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022 và cháu Lê Vũ Bảo B2, sinh ngày 16/8/2023. Anh chị thỏa thuận giao cháu B1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu B2 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện anh H đang làm việc tại nước ngoài nên tạm giao cháu B2 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh H.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chị L và anh H thỏa thuận để chị L chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H: Giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022; giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Vũ Bảo B2, sinh ngày 16/8/2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tạm giao cháu Lê Vũ Bảo B1, sinh ngày 11/01/2022 cho chị Vũ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H chưa về Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chị Vũ Thị L chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chi Lương đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0006617 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị L đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Ái Quốc để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2021 tại UBND xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh